TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST. Ngày: 04 - 12 - 2023. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Phượng.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thuận T, sinh năm 1981(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Thuận T kết hôn vào năm 2003. Đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G. Trong thời gian chung sống bà Nh và ông T thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không thể giải quyết được. Nay bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thuận T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Thuận T có 02 người con chung tên Trần Tố Th, sinh ngày 09/10/2004 và Trần Tú Th1, sinh ngày 12/11/2014, con chung hiện nay đang sống với bà Nh. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung Trần Tú Th1. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trần Tú Th đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Thuận T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trần Thuận T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Thuận T đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Nh; Về con chung: Trần Tố Th, sinh ngày 09/10/2004 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Giao cho bà Nguyễn Thị Nh được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Tú Th1, sinh ngày 12/11/2014 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Thuận T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu ông Trần Thuận T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Thuận T đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

Về nội dung:

[2] Bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Thuận T kết hôn vào năm 2003. Đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Thuận T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh trình bày trong quá trình chung sống thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do không hợp về quan điểm sống và trong thời gian dài giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, bà Nh đã nhiều lần tạo điều kiện để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà Nh xác định vợ chồng không còn tình cảm. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nh vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Xét thấy, giữa bà Nh và ông T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Nh.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Thuận T có hai người con chung tên Trần Tố Th, sinh ngày 09/10/2004 và Trần Tú Th1, sinh ngày 12/11/2014, hiện nay hai người con chung sống với bà Nh. Khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Trần Tú Th1 đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trần Tố Th, sinh ngày 09/10/2004 đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, kể từ khi bà Nh và ông T xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không còn chung sống với nhau thì hai người con chung vẫn do bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Ông Trần Thuận T không có yêu cầu nuôi con chung, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được quyền nuôi con của bà Nguyễn Thị Nh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2023 con chung Trần Tú Th1 trình bày ý kiến, khi cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ (BL 14). Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Trần Tú Th1, sinh ngày 12/11/2014 cho bà Nh được quyền nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Thuận T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Đối với con chung Trần Tố Th, sinh ngày 09/10/2004 đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu ông Trần Thuận T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh được quyền ly hôn với ông Trần Thuận T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Nh được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Tú Th1, sinh ngày 12/11/2014 đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung Trần Tố Th, sinh ngày 09/10/2004, đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ông Trần Thuận T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu ông Trần Thuận T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009425 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Nh đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện M;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Chi cục THA dân sự huyện M;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ